

BÁO CÁO**Tổng kết công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý
từ đầu nhiệm kỳ 2010 - 2015 đến nay**

Thực hiện Công văn số 786-CV/BTCTW, ngày 04/6/2021 của Ban Tổ chức Trung ương “*về việc tổng kết công tác quy hoạch cán bộ*”; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ nhiệm kỳ 2010 - 2015 đến nay như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC
QUY HOẠCH CÁN BỘ TỪ ĐẦU NHIỆM KỲ 2010 - 2015 ĐẾN NAY**

Lâm Đồng là tỉnh nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.783,34 km², có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, 142 đơn vị hành chính cấp xã (*111 xã, 18 phường và 13 thị trấn*) với 1.376 thôn, tổ dân phố. Có 18 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (*trong đó có 12 đảng bộ huyện, thành phố; 06 đảng bộ: Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, Khối các cơ quan tỉnh, Khối doanh nghiệp tỉnh, Trường Đại học Đà Lạt, Viện Nghiên cứu hạt nhân*); có 766 tổ chức cơ sở đảng (*trong đó 274 đảng bộ sở, 492 chi bộ cơ sở*), với 47.127 đảng viên. Toàn tỉnh có 30.732 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó cán bộ, công chức cấp huyện trở lên là 3.128 người; viên chức là 24.791 người; cán bộ, công chức cấp xã là 2.813 người.

**1. Việc lãnh đạo, quán triệt, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của
Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ**

- *Công tác phổ biến, quán triệt các văn bản của Trung ương*: Căn cứ các văn bản của Trung ương về công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị, quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ chủ chốt của tỉnh, của huyện; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức hội nghị quán triệt đến cán bộ, đảng viên về mục đích, ý nghĩa, nội dung công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

Nhìn chung, việc quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, kế hoạch và hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh được các đơn vị triển khai nghiêm túc. Qua học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện, nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về quan điểm, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, vị trí, vai trò của công tác cán bộ được nâng lên; trên cơ sở đó thực hiện quy hoạch cán bộ bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của các địa phương, cơ quan, đơn vị với quy hoạch của cấp trên, là cơ sở để bố trí, sử dụng, luân chuyển cán bộ; đồng thời tạo điều kiện để cán bộ quy hoạch được đào tạo, bồi dưỡng rèn luyện, cống hiến, trưởng thành; phục vụ tốt công tác cán bộ trước mắt và tạo nguồn cán bộ cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

- *Việc ban hành văn bản hướng dẫn của tỉnh để tổ chức thực hiện*: Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 30/11/2004 và Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW, ngày 05/11/2012 của

Ban Tổ chức Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nghị định số 97/2015/NĐ-CP, ngày 19/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/6/2012, Kế hoạch số 40-KH/TU, ngày 05/6/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 21/4/2017 thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo; Công văn số 1654-CV/TU, ngày 12/6/2017 để triển khai thực hiện công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ngoài ra, hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ nói chung và quy hoạch cán bộ nói riêng, qua đó kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những cơ quan, đơn vị làm chưa tốt.

2. Kết quả quy hoạch cán bộ

2.1. Nhiệm kỳ 2010 - 2015:

Các chức danh diện Trung ương quản lý: Đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn chức danh theo quy định, cụ thể:

- Bí thư Tỉnh ủy:

- + Về số lượng: Tổng số 06 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 06 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 16%; đại học: 05 đồng chí, tỷ lệ 84%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 06 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Bí thư Tỉnh ủy:

- + Về số lượng: Tổng số 05 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 40%; trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 60%.
- + Về trình độ chuyên môn: Đại học 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch HĐND tỉnh:

- + Về số lượng: Tổng số 05 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 20%; Đại học: 04 đồng chí, tỷ lệ 80%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND tỉnh:

- + Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:

+ Về số lượng: Tổng số 02 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch HĐND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 04 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 25%; trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 75%.

+ Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 04 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 04 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 09 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 22,22%; trên 50 tuổi: 07 đồng chí, tỷ lệ 77,78%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 02 đồng chí, tỷ lệ 22,22%; đại học: 07 đồng chí, tỷ lệ 77,78%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 09 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 92 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 12 đồng chí, tỷ lệ 13%; từ 40 đến 50 tuổi: 42 đồng chí, tỷ lệ 46,7%; trên 50 tuổi: 38 đồng chí, tỷ lệ 40,3% (Chưa đảm bảo tỷ lệ so với quy định).

+ Về cơ cấu: Nữ 11 đồng chí, tỷ lệ 11,96%; cán bộ dân tộc thiểu số: 05 đồng chí, tỷ lệ 5,43% (Chưa đảm bảo tỷ lệ so với quy định).

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 02 đồng chí, tỷ lệ 2,17%; thạc sỹ 15 đồng chí, tỷ lệ 16,3%; đại học: 74 đồng chí, tỷ lệ 80,43%; cao đẳng: 01 đồng chí, tỷ lệ 1,09%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 85 đồng chí, tỷ lệ 92,39%;

trung cấp, sơ cấp 03 đồng chí, tỷ lệ 3,26%; chưa qua đào tạo 04 đồng chí, tỷ lệ 4,35%.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 26 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: không có; từ 40 đến 50 tuổi: 08 đồng chí, tỷ lệ 30,77%; trên 50 tuổi: 18 đồng chí, tỷ lệ 69,23%.

+ Về cơ cấu: Nữ 02 đồng chí, tỷ lệ 7,7%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 3,8%; Thạc sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 3,8%; Đại học: 24 đồng chí, tỷ lệ 92,4%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 19 đồng chí, tỷ lệ 73,07%; Trung cấp 07 đồng chí, tỷ lệ 26,93%

2.2. Nhiệm kỳ 2015 - 2020:

Các chức danh diện Trung ương quản lý: Đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn chức danh theo quy định, cụ thể:

- Bí thư Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Bí thư Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 08 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 12,5%; từ 40 đến 50 tuổi: 06 đồng chí, tỷ lệ 75%; trên 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 12,5%.

+ Về cơ cấu: Nữ 02 đồng chí, tỷ lệ 25%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 12,5%; thạc sỹ: 05 đồng chí, tỷ lệ 62,5%; đại học 02 đồng chí, tỷ lệ 25%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 08 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch HĐND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 04 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 50%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:

+ Về số lượng: Tổng số 04 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 50%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 02 đồng chí, tỷ lệ 50%; đại học: 02 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 04 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch HĐND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 05 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 20%; từ 40 đến 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 60%; trên 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 20%.

+ Về cơ cấu: Nữ 02 đồng chí, tỷ lệ 40%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 20%; đại học 04 đồng chí, tỷ lệ 80%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 08 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 04 đồng chí, tỷ lệ 50%; trên 50 tuổi: 04 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 12,5%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 37,5%; đại học 05 đồng chí, tỷ lệ 62,5%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 08 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:

+ Về số lượng: Tổng số 04 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 25%; trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 75%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 25%; đại học 03 đồng chí, tỷ lệ 75%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 04 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 90 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 18 đồng chí, tỷ lệ 20%; từ 40 đến 50 tuổi: 48 đồng chí, tỷ lệ 53,3%; trên 50 tuổi: 24 đồng chí, tỷ lệ 26,7% (Đảm bảo tỷ lệ so với quy định).

+ Về cơ cấu: Nữ 27 đồng chí, tỷ lệ 30% (Đảm bảo tỷ lệ so với quy định); cán bộ dân tộc thiểu số: 07 đồng chí, tỷ lệ 7,7%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 02 đồng chí, tỷ lệ 2%; thạc sỹ 24 đồng chí, tỷ lệ 27%; đại học 64 đồng chí, tỷ lệ 71%;

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 83 đồng chí, tỷ lệ 92,22%; trung cấp, sơ cấp 4 đồng chí, tỷ lệ 4,44%; chưa qua đào tạo 03 đồng chí, tỷ lệ 3,34%.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 24 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 8,33%; từ 40 đến 50 tuổi: 09 đồng chí, tỷ lệ 37,5%; trên 50 tuổi: 13 đồng chí, tỷ lệ 54,17%.

+ Về cơ cấu: Nữ 05 đồng chí, tỷ lệ 20,83%; cán bộ dân tộc thiểu số: 04 đồng chí, tỷ lệ 16,3% (*Đảm bảo tỷ lệ so với quy định*).

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 4,16%; thạc sỹ 04 đồng chí, tỷ lệ 16,67%; đại học 19 đồng chí, tỷ lệ 79,17%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 24 đồng chí, tỷ lệ 100%.

2.3. Nhiệm kỳ 2020 - 2025

2.3.1. Các chức danh diện Trung ương phê duyệt quy hoạch: *Đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn chức danh theo quy định, cụ thể:*

- Bí thư Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%; đại học 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Bí thư Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 05 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 20%; trên 50 tuổi: 04 đồng chí, tỷ lệ 80%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 60%; đại học 02 đồng chí, tỷ lệ 40%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch HĐND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 02 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 50%; đại học: 01 đồng chí, tỷ lệ 50%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

- + Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%; đại học: 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- **Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:**
- + Về số lượng: Tổng số 02 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 02 đồng chí, tỷ lệ 100%.

2.3.2. Các chức danh Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng phê duyệt theo phân cấp quản lý cán bộ

a. Quy hoạch của cấp tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh:

- + Về số lượng: Tổng số 64 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 07 đồng chí, tỷ lệ 10,94%; từ 40 đến 50 tuổi: 37 đồng chí, tỷ lệ 57,82%; trên 50 tuổi: 20 đồng chí, tỷ lệ 31,24%.
- + Về cơ cấu: Nữ 12 đồng chí, tỷ lệ 18,75% (*đảm bảo tỷ lệ so với quy định*); cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 4,7%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 28 đồng chí, tỷ lệ 43,75%; đại học: 36 đồng chí, tỷ lệ 56,25%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 64 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- + Về số lượng: Tổng số 18 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 5% (*chưa đảm bảo tỷ lệ so với quy định*); từ 40 đến 50 tuổi: 06 đồng chí, tỷ lệ 34%; trên 50 tuổi: 11 đồng chí, tỷ lệ 61%.
- + Về cơ cấu: Nữ 03 đồng chí, tỷ lệ 16,67% (*đảm bảo tỷ lệ theo quy định*); cán bộ là người dân tộc thiểu số 01 đồng chí, tỷ lệ 5%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 5%; thạc sỹ: 12 đồng chí, tỷ lệ 67%; đại học: 05 đồng chí, tỷ lệ 28%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 18 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch HĐND tỉnh:

Đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn chức danh theo quy định:

- + Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%.
- + Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

Đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn chức danh theo quy định:

+ Về số lượng: Tổng số 05 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Từ 40 đến 50 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 20%; trên 50 tuổi: 04 đồng chí, tỷ lệ 80%.

+ Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 20%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 05 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội:

+ Về số lượng: Tổng số 03 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%; trên 50 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 66,67%.

+ Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 33,33%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 03 đồng chí, tỷ lệ 100%.

b. Quy hoạch của các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

(1) Nhiệm kỳ 2010 - 2015

- Ban Chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 1.066 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 78 đồng chí, tỷ lệ 7,3% (chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định); từ 35 đến 45 tuổi: 343 đồng chí, tỷ lệ 32,2% (chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định); trên 45 tuổi: 645 đồng chí, tỷ lệ 60,5%.

+ Về cơ cấu: Nữ 177 đồng chí, tỷ lệ 16,60%; cán bộ dân tộc thiểu số: 84 đồng chí, tỷ lệ 7,8%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 02 đồng chí, tỷ lệ 1%; Thạc sỹ: 48 đồng chí, tỷ lệ 5%; Đại học: 829 đồng chí, tỷ lệ 77,8%; trình độ khác 187 đồng chí, tỷ lệ 17,2%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 510 đồng chí, tỷ lệ 92,22%; Trung cấp: 510 đồng chí, tỷ lệ 4,44%.

- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 324 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 09 đồng chí, tỷ lệ 2,78%; từ 35 đến 45 tuổi: 72 đồng chí, tỷ lệ 22,22%; trên 45 tuổi: 243 đồng chí, tỷ lệ 75%.

+ Về cơ cấu: Nữ 35 đồng chí, tỷ lệ 10,8%; cán bộ dân tộc thiểu số: 20 đồng chí, tỷ lệ 6,17%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 11 đồng chí, tỷ lệ 3,4%; đại học 285 đồng chí, tỷ lệ 87,96%; trình độ khác 28 đồng chí, tỷ lệ 8,64%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 250 đồng chí, tỷ lệ 77,16%; trung cấp 64 đồng chí, tỷ lệ 19,75%; chưa qua đào tạo 10 đồng chí, tỷ lệ 3,09%.

- Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 40 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 2,5%; trên 45 tuổi: 39 đồng chí, tỷ lệ 97,5%.

+ Về cơ cấu: Nữ: Không có; cán bộ dân tộc thiểu số: 02 đồng chí, tỷ lệ 5%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 đồng chí, tỷ lệ 7,5%; đại học: 35 đồng chí, tỷ lệ 87,5%; trình độ khác 02 đồng chí, tỷ lệ 5%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 38 đồng chí, tỷ lệ 95%; Trung cấp: 02 đồng chí, tỷ lệ 5%.

- Phó Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 74 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 06 đồng chí, tỷ lệ 8,11%; trên 45 tuổi: 68 đồng chí, tỷ lệ 91,89%.

+ Về cơ cấu: Nữ 08 đồng chí, tỷ lệ 10,81%; cán bộ dân tộc thiểu số: 06 đồng chí, tỷ lệ 8,11%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 07 đồng chí, tỷ lệ 9,46%; đại học: 66 đồng chí, tỷ lệ 89,19%; trình độ khác 01 đồng chí, tỷ lệ 1,35%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 68 đồng chí, tỷ lệ 91,89%; Trung cấp 06 đồng chí, tỷ lệ 8,11%.

- Chủ tịch HĐND:

+ Về số lượng: Tổng số 39 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 2,56%; trên 45 tuổi: 38 đồng chí, tỷ lệ 97,44%.

+ Về cơ cấu: Nữ: Không có; cán bộ dân tộc thiểu số: 02 đồng chí, tỷ lệ 5,13%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 04 đồng chí, tỷ lệ 10,26%; đại học: 32 đồng chí, tỷ lệ 82,05%; trình độ khác 03 đồng chí, tỷ lệ 7,69%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 39 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND:

+ Về số lượng: Tổng số 36 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 2,78%; trên 45 tuổi: 35 đồng chí, tỷ lệ 97,22%.

+ Về cơ cấu: Nữ 03 đồng chí, tỷ lệ 8,33%; cán bộ dân tộc thiểu số: 02 đồng chí, tỷ lệ 5,56%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 36 đồng chí, tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 35 đồng chí, tỷ lệ 97,22%; Trung cấp: 01 đồng chí, tỷ lệ 2,78%.

- Phó Chủ tịch HĐND:

+ Về số lượng: Tổng số 51 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 1,96%; từ 35 đến 45 tuổi: 10 đồng chí, tỷ lệ 19,61%; trên 45 tuổi: 40 đồng chí, tỷ lệ 78,43%.

+ Về cơ cấu: Nữ 10 đồng chí, tỷ lệ 19,61%; cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 5,88%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 45 đồng chí, tỷ lệ 88,24%; trình độ khác 06 đồng chí, tỷ lệ 11,76%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 37 đồng chí, tỷ lệ 72,55%; Trung cấp 13 đồng chí, tỷ lệ 25,49%; chưa qua đào tạo 01 đồng chí, tỷ lệ 1,96%.

- Phó Chủ tịch UBND:

+ Về số lượng: Tổng số 97 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 26 đồng chí, tỷ lệ 26,8%; trên 45 tuổi: 71 đồng chí, tỷ lệ 73,2%.

+ Về cơ cấu: Nữ 10 đồng chí, tỷ lệ 10,31%; cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 3,09%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 95 đồng chí, tỷ lệ 97,94%; trình độ khác 02 đồng chí, tỷ lệ 2,06%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 80 đồng chí, tỷ lệ 82,47%; Trung cấp 14 đồng chí, tỷ lệ 14,44%; chưa qua đào tạo 03 đồng chí, tỷ lệ 3,09%.

- Chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 156 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi 17 đồng chí, tỷ lệ 10,89%; từ 35 đến 45 tuổi 70 đồng chí, tỷ lệ 44,87%; trên 45 tuổi 69 đồng chí, tỷ lệ 44,24%.

+ Về cơ cấu: Nữ 14 đồng chí, tỷ lệ 8,97%; dân tộc thiểu số 07 đồng chí, tỷ lệ 4,49%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 04 đồng chí, tỷ lệ 2,56%; thạc sĩ 24 đồng chí, tỷ lệ 15,39%; đại học 112 đồng chí, tỷ lệ 71,79%; trình độ khác 16 đồng chí, tỷ lệ 10,26%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 129 đồng chí, tỷ lệ 82,7%; trung cấp 23 đồng chí, tỷ lệ 14,74%; chưa đào tạo 04 đồng chí, tỷ lệ 2,56%.

- Chức danh cấp phó các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 237 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi 32 đồng chí, tỷ lệ 13,5%; từ 35 đến 45 tuổi 125 đồng chí, tỷ lệ 52,74%; trên 45 tuổi 80 đồng chí, tỷ lệ 33,76%.

+ Về cơ cấu: cán bộ nữ 37 đồng chí, tỷ lệ 16,89%; cán bộ dân tộc 28 đồng

chí, tỷ lệ 11,82%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 0,42%; thạc sỹ 48 đồng chí, tỷ lệ 20,25%; đại học 175 đồng chí, tỷ lệ 73,84%; trình độ khác 13 đồng chí, tỷ lệ 5,49%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 200 đồng chí, tỷ lệ 84,39%; Trung cấp 37 đồng chí, tỷ lệ 15,61%.

(2) Nhiệm kỳ 2015 - 2020

- Ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 1.054 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 75 đồng chí, tỷ lệ 7,11%; từ 35 đến 45 tuổi: 353 đồng chí, tỷ lệ 33,49%; trên 45 tuổi: 626 đồng chí, tỷ lệ 59,4%.

+ Về cơ cấu: Nữ 227 đồng chí, tỷ lệ 21,54%; cán bộ dân tộc thiểu số: 95 đồng chí, tỷ lệ 9,01%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 15 đồng chí, tỷ lệ 1,42%; thạc sỹ 60 đồng chí, tỷ lệ 5,69%; đại học 912 đồng chí, tỷ lệ 86,53%; trình độ khác 67 đồng chí, tỷ lệ 6,36%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 488 đồng chí, tỷ lệ 46,3%; Trung cấp 329 đồng chí, tỷ lệ 31,21%; chưa đào tạo 237, tỷ lệ 22,49%.

- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 328 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 03 đồng chí, tỷ lệ 0,91%; từ 35 đến 45 tuổi: 85 đồng chí, tỷ lệ 25,91%; trên 45 tuổi: 240 đồng chí, tỷ lệ 73,18%.

+ Về cơ cấu: Nữ 44 đồng chí, tỷ lệ 13,41%; cán bộ dân tộc thiểu số: 22 đồng chí, tỷ lệ 6,71%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 05 đồng chí, tỷ lệ 1,52%; Thạc sỹ 30 đồng chí, tỷ lệ 9,15%; Đại học 285 đồng chí, tỷ lệ 86,89%; trình độ khác 08 đồng chí, tỷ lệ 2,44%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 262 đồng chí, tỷ lệ 79,88%; Trung cấp 44 đồng chí, tỷ lệ 13,41%; chưa qua đào tạo 22 đồng chí, tỷ lệ 6,71%.

- Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 44 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 06 đồng chí, tỷ lệ 13,64%; trên 45 tuổi: 38 đồng chí, tỷ lệ 86,36%.

+ Về cơ cấu: Nữ 02 đồng chí, tỷ lệ 4,55%; cán bộ dân tộc thiểu số: 02 đồng chí, tỷ lệ 4,55%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 2,27%; thạc sỹ 06 đồng chí, tỷ lệ 13,64%; đại học 36 đồng chí, tỷ lệ 81,82%; trình độ khác 01 đồng chí, tỷ lệ 2,27%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 40 đồng chí, tỷ lệ 90,9%; Trung cấp 02 đồng chí, tỷ lệ 4,55%; chưa qua đào tạo 02 đồng chí, tỷ lệ 4,55%.

- Phó Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 84 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 12 đồng chí, tỷ lệ 14,29%; trên 45 tuổi: 72 đồng chí, tỷ lệ 85,71%.

+ Về cơ cấu: Nữ 11 đồng chí, tỷ lệ 13,1%; cán bộ dân tộc thiểu số: 09 đồng chí, tỷ lệ 10,71%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 04 đồng chí, tỷ lệ 4,76%; thạc sỹ 08 đồng chí, tỷ lệ 9,52%; đại học 72 đồng chí, tỷ lệ 85,71%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 73 đồng chí, tỷ lệ 86,9%; Trung cấp 07 đồng chí, tỷ lệ 8,33%; chưa qua đào tạo 04 đồng chí, tỷ lệ 4,76%.

- Chủ tịch HĐND:

+ Về số lượng: Tổng số 34 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 0 đồng chí; từ 35 đến 45 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 5,88%; trên 45 tuổi: 32 đồng chí, tỷ lệ 94,12%.

+ Về cơ cấu: Nữ 03 đồng chí, tỷ lệ 8,82%; cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 8,82%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 8,82%; đại học 31 đồng chí, tỷ lệ 91,18%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 34 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND:

+ Về số lượng: Tổng số 37 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 0 đồng chí; từ 35 đến 45 tuổi: 04 đồng chí, tỷ lệ 10,81%; trên 45 tuổi: 33 đồng chí, tỷ lệ 89,19%.

+ Về cơ cấu: Nữ 0 đồng chí; cán bộ dân tộc thiểu số: 01 đồng chí, tỷ lệ 2,7%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 đồng chí, tỷ lệ 18,92%; đại học 30 đồng chí, tỷ lệ 81,08%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 36 đồng chí, tỷ lệ 97,3%; Trung cấp 01 đồng chí, tỷ lệ 2,7%.

- Phó Chủ tịch HĐND:

+ Về số lượng: Tổng số 37 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 0 đồng chí; từ 35 đến 45 tuổi: 05 đồng chí, tỷ lệ 13,51%; trên 45 tuổi: 32 đồng chí, tỷ lệ 86,49%.

+ Về cơ cấu: Nữ 09 đồng chí, tỷ lệ 24,32%; cán bộ dân tộc thiểu số: 04 đồng chí, tỷ lệ 10,81%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 02 đồng chí, tỷ lệ 5,41%; đại học 34 đồng chí, tỷ lệ 91,89%; trình độ khác 01 đồng chí, tỷ lệ 2,7%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 33 đồng chí, tỷ lệ 89,19%; Trung cấp 03 đồng chí, tỷ lệ 8,11%; chưa qua đào tạo 01 đồng chí, tỷ lệ 2,7%.

- Phó Chủ tịch UBND:

+ Về số lượng: Tổng số 84 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 1,19%; từ 35 đến 45 tuổi: 16 đồng chí, tỷ lệ 19,05%; trên 45 tuổi: 67 đồng chí, tỷ lệ 79,76%.

+ Về cơ cấu: Nữ 12 đồng chí, tỷ lệ 14,29%; cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 3,57%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 12 đồng chí, tỷ lệ 14,29%; Đại học 69 đồng chí, tỷ lệ 82,14%; trình độ khác 03 đồng chí, tỷ lệ 3,57%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 77 đồng chí, tỷ lệ 91,67%; Trung cấp 07 đồng chí, tỷ lệ 8,33%.

- Chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 160 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 18 đồng chí, tỷ lệ 11,25%; từ 35 đến 45 tuổi: 85 đồng chí, tỷ lệ 53,12%; trên 45 tuổi: 57 đồng chí, tỷ lệ 35,63%.

+ Về cơ cấu: Nữ 19 đồng chí, tỷ lệ 11,88%; cán bộ dân tộc thiểu số: 10 đồng chí, tỷ lệ 6,25%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 07 đồng chí, tỷ lệ 4,38 %; thạc sỹ 36 đồng chí, tỷ lệ 22,5%; đại học 100 đồng chí, tỷ lệ 62,5%; trình độ khác 17 đồng chí, tỷ lệ 10,62%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 147 đồng chí, tỷ lệ 91,88%; Trung cấp 13 đồng chí, tỷ lệ 8,12%.

- Chức danh cấp phó các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

+ Về số lượng: Tổng số 278 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 59 đồng chí, tỷ lệ 21,21%; từ 35 đến 45 tuổi: 130 đồng chí, tỷ lệ 46,77%; trên 45 tuổi: 89 đồng chí, tỷ lệ 32,02%.

+ Về cơ cấu: Nữ 50 đồng chí, tỷ lệ 17,99%; cán bộ dân tộc thiểu số: 29 đồng chí, tỷ lệ 10,43%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 09 đồng chí, tỷ lệ 3,24 %; thạc sỹ 77 đồng chí, tỷ lệ 27,7%; đại học 188 đồng chí, tỷ lệ 67,63%; trình độ khác 04 đồng chí, tỷ lệ 1,43%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 240 đồng chí, tỷ lệ 86,33 %; Trung cấp 38 đồng chí, tỷ lệ 13,67 %.

(3) Nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ban Chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 1.003 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 47 đồng chí, tỷ lệ 4,7%; từ 35 đến 45 tuổi: 328 đồng chí, tỷ lệ 32,7%; trên 45 tuổi: 628 đồng chí, tỷ lệ 62,6%.

+ Về cơ cấu: Nữ 266 đồng chí, tỷ lệ 26,52%; cán bộ dân tộc thiểu số: 93 đồng chí, tỷ lệ 9,3%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ: 23 đồng chí, tỷ lệ 2,30%; thạc sỹ 231 đồng chí, tỷ lệ 23,03%; đại học 746 đồng chí, tỷ lệ 74,37%; trình độ khác 03 đồng chí, tỷ lệ 0,29%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 579 đồng chí, tỷ lệ 57,73%; Trung cấp 351 đồng chí, tỷ lệ 34,99%; chưa qua đào tạo 73 đồng chí, tỷ lệ 7,28%.

- Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Về số lượng: Tổng số 320 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,3%; từ 35 đến 45 tuổi: 82 đồng chí, tỷ lệ 25,62%; trên 45 tuổi: 237 đồng chí, tỷ lệ 74,08%.

+ Về cơ cấu: Nữ 62 đồng chí, tỷ lệ 19,37%; cán bộ dân tộc thiểu số: 25 đồng chí, tỷ lệ 7,8%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 07 đồng chí, tỷ lệ 0,22%; Thạc sỹ 109 đồng chí, tỷ lệ 34,06%; Đại học 204 đồng chí, tỷ lệ 63,75%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 291 đồng chí, tỷ lệ 92,22%; Trung cấp 23 đồng chí, tỷ lệ 4,44%.

- Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 40 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 0 đồng chí; từ 35 đến 45 tuổi: 05 đồng chí, tỷ lệ 12,5%; trên 45 tuổi: 35 đồng chí, tỷ lệ 87,5%.

+ Về cơ cấu: Nữ 04 đồng chí, tỷ lệ 10%; cán bộ dân tộc thiểu số: 04 đồng chí, tỷ lệ 10%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 04 đồng chí, tỷ lệ 10%; thạc sỹ 21 đồng chí, tỷ lệ 52,5%; đại học 15 đồng chí, tỷ lệ 37,5%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 40 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Bí thư:

+ Về số lượng: Tổng số 71 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 02 đồng chí, tỷ lệ 2,82%; từ 35 đến 45 tuổi: 20 đồng chí, tỷ lệ 28,17%; trên 45 tuổi: 49 đồng chí, tỷ lệ 69,01%.

+ Về cơ cấu: Nữ 11 đồng chí, tỷ lệ 15,49%; cán bộ dân tộc thiểu số: 07 đồng chí, tỷ lệ 9,86%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 4,23%; thạc sỹ 32 đồng chí, tỷ lệ 45,07%; đại học 32 đồng chí, tỷ lệ 45,07%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 69 đồng chí, tỷ lệ 97,18%; Trung cấp 01 đồng chí, tỷ lệ 1,41%.

- Chủ tịch HĐND:

- + Về số lượng: Tổng số 35 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 07 đồng chí, tỷ lệ 20%; trên 45 tuổi: 28 đồng chí, tỷ lệ 80%.
- + Về cơ cấu: Nữ 06 đồng chí, tỷ lệ 17,14%; cán bộ dân tộc thiểu số: 03 đồng chí, tỷ lệ 8,57%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 16 đồng chí, tỷ lệ 45,71%; đại học 19 đồng chí, tỷ lệ 54,29%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 35 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Chủ tịch UBND:

- + Về số lượng: Tổng số 32 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 0 đồng chí; từ 35 đến 45 tuổi: 05 đồng chí, tỷ lệ 15,63%; trên 45 tuổi: 27 đồng chí, tỷ lệ 84,37%.
- + Về cơ cấu: Nữ 01 đồng chí, tỷ lệ 3,13%; cán bộ dân tộc thiểu số: 01 đồng chí, tỷ lệ 3,13%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 18 đồng chí, tỷ lệ 56,25%; đại học 14 đồng chí, tỷ lệ 43,75%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 32 đồng chí, tỷ lệ 100%.

- Phó Chủ tịch HĐND:

- + Về số lượng: Tổng số 47 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có; từ 35 đến 45 tuổi: 08 đồng chí, tỷ lệ 17,02%; trên 45 tuổi: 39 đồng chí, tỷ lệ 82,98%.
- + Về cơ cấu: Nữ 12 đồng chí, tỷ lệ 25,53%; cán bộ dân tộc thiểu số: 07 đồng chí, tỷ lệ 14,89%.
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 12 đồng chí, tỷ lệ 25,53%; Đại học 35 đồng chí, tỷ lệ 74,47%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 42 đồng chí, tỷ lệ 89,36%; Trung cấp 05 đồng chí, tỷ lệ 10,64%.

- Phó Chủ tịch UBND:

- + Về số lượng: Tổng số 58 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: Không có ; từ 35 đến 45 tuổi: 09 đồng chí, tỷ lệ 15,52%; trên 45 tuổi: 49 đồng chí, tỷ lệ 84,48%.
- + Về cơ cấu: Nữ 08 đồng chí, tỷ lệ 13,79%; cán bộ dân tộc thiểu số: 05 đồng chí, tỷ lệ 8,62%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 1,72%; thạc sỹ 26 đồng chí, tỷ lệ 44,83%; đại học 30 đồng chí, tỷ lệ 51,72%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 52 đồng chí, tỷ lệ 89,66%; Trung cấp 03 đồng chí, tỷ lệ 5,17%; chưa qua đào tạo 03 đồng chí, tỷ lệ 5,17%.

- Chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

- + Về số lượng: Tổng số 133 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 17 đồng chí, tỷ lệ 12,78%; từ 35 đến 45 tuổi: 84 đồng chí, tỷ lệ 63,16%; trên 45 tuổi: 32 đồng chí, tỷ lệ 24,06%.
- + Về cơ cấu: Nữ 12 đồng chí, tỷ lệ 9,02%; cán bộ dân tộc thiểu số: 12 đồng chí, tỷ lệ 9,02%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 05 đồng chí, tỷ lệ 3,76%; thạc sỹ 57 đồng chí, tỷ lệ 42,86%; đại học 68 đồng chí, tỷ lệ 51,13%; trình độ khác 03 đồng chí, tỷ lệ 2,26%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 108 đồng chí, tỷ lệ 81,20%; trung cấp 07 đồng chí, tỷ lệ 5,26%.

- Chức danh cấp phó các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

- + Về số lượng: Tổng số 258 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 35 tuổi: 45 đồng chí, tỷ lệ 17,44%; từ 35 đến 45 tuổi: 158 đồng chí, tỷ lệ 61,24%; trên 45 tuổi: 55 đồng chí, tỷ lệ 21,32%.
- + Về cơ cấu: Nữ 44 đồng chí, tỷ lệ 17,05%; cán bộ dân tộc thiểu số: 31 đồng chí, tỷ lệ 12,02%.
- + Về trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 06 đồng chí, tỷ lệ 2,33%; thạc sỹ 117 đồng chí, tỷ lệ 45,35%; đại học 135 đồng chí, tỷ lệ 52,33%.
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 203 đồng chí, tỷ lệ 78,68%; Trung cấp 31 đồng chí, tỷ lệ 12,02%.

2.3.3. Các chức danh Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy phê duyệt

(1) Nhiệm kỳ 2010 - 2015:

- Ban chấp hành đảng bộ xã, phường, thị trấn

- + Về số lượng: Tổng số 2.640 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 609 đồng chí, tỷ lệ 23,06%; từ 30 đến 40 tuổi: 880 đồng chí, tỷ lệ 33,34%; trên 40 tuổi: 1.151 đồng chí, tỷ lệ 43,60% (*Đảm bảo tỷ lệ so với quy định*).
- + Về cơ cấu: Nữ 604 đồng chí, tỷ lệ 22,88%; cán bộ dân tộc thiểu số: 433 đồng chí, tỷ lệ 16,40% (*Đảm bảo tỷ lệ so với quy định*).
- + Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 0,1%; Đại học 900 đồng chí, tỷ lệ 34,10%; trình độ khác 1.737 đồng chí, tỷ lệ 65,80%;
- + Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 37 đồng chí, tỷ lệ 92,22%; Trung cấp 1.262 đồng chí, tỷ lệ 4,44%.

- Ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn

- + Về số lượng: Tổng số 742 đồng chí.
- + Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 128 đồng chí, tỷ lệ 17,25%; từ 30 đến 40 tuổi:

296 đồng chí, tỷ lệ 39,90%; trên 40 tuổi: 318 đồng chí, tỷ lệ 42,85%.

+ Về cơ cấu: Nữ 110 đồng chí, tỷ lệ 14,82%; cán bộ dân tộc thiểu số: 147 đồng chí, tỷ lệ 19,82%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 đồng chí, tỷ lệ 0,4%; đại học 293 đồng chí, tỷ lệ 39,5%; trình độ khác 446 đồng chí, tỷ lệ 60,10%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 33 đồng chí, tỷ lệ 4,47%; Trung cấp 456 đồng chí, tỷ lệ 61,45%; chưa đào tạo 523 đồng chí, tỷ lệ 34,08%.

- Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 369 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 17 đồng chí, tỷ lệ 4,61%; từ 30 đến 40 tuổi: 134 đồng chí, tỷ lệ 36,31%; trên 40 tuổi: 218 đồng chí, tỷ lệ 59,08%.

+ Về cơ cấu: Nữ 19 đồng chí, tỷ lệ 5,15%; cán bộ dân tộc thiểu số: 59 đồng chí, tỷ lệ 15,99%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 0,27%; Đại học 126 đồng chí, tỷ lệ 34,15%; trình độ khác 242 đồng chí, tỷ lệ 65,58%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 19 đồng chí, tỷ lệ 5,15%; Trung cấp 241 đồng chí, tỷ lệ 65,31%; chưa đào tạo 109 đồng chí, tỷ lệ 29,54%.

- Phó Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 562 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 81 đồng chí, tỷ lệ 14,41%; từ 30 đến 40 tuổi: 253 đồng chí, tỷ lệ 45,02%; trên 40 tuổi: 228 đồng chí, tỷ lệ 40,57%.

+ Về cơ cấu: Nữ 77 đồng chí, tỷ lệ 13,7%; cán bộ dân tộc thiểu số: 127 đồng chí, tỷ lệ 22,6%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 201 đồng chí, tỷ lệ 35,77%; trình độ khác 361 đồng chí, tỷ lệ 64,23%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 13 đồng chí, tỷ lệ 2,31%; Trung cấp 390 đồng chí, tỷ lệ 69,4%; chưa đào tạo 159 đồng chí, tỷ lệ 28,29%.

- Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 349 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 20 đồng chí, tỷ lệ 5,73%; từ 30 đến 40 tuổi: 136 đồng chí, tỷ lệ 38,97%; trên 40 tuổi: 193 đồng chí, tỷ lệ 55,3%.

+ Về cơ cấu: Nữ 21 đồng chí, tỷ lệ 6,02%; cán bộ dân tộc thiểu số: 75 đồng chí, tỷ lệ 21,49%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,29%; Đại học: 97 đồng chí, tỷ lệ 27,79%; trình độ khác 251 đồng chí, tỷ lệ 71,92%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 13 đồng chí, tỷ lệ 3,72%; Trung cấp 234 đồng chí, tỷ lệ 67,05%; chưa đào tạo 102 đồng chí, tỷ lệ 29,23%.

- Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 358 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 62 đồng chí, tỷ lệ 17,32%; từ 30 đến 40 tuổi: 144 đồng chí, tỷ lệ 40,22%; trên 40 tuổi: 152 đồng chí, tỷ lệ 42,46%.

+ Về cơ cấu: Nữ 34 đồng chí, tỷ lệ 9,5%; cán bộ dân tộc thiểu số: 52 đồng chí, tỷ lệ 14,53%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,28%; Đại học: 138 đồng chí, tỷ lệ 38,55%; trình độ khác: 219 đồng chí, tỷ lệ 61,17%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 10 đồng chí, tỷ lệ 2,79%; Trung cấp: 238 đồng chí, tỷ lệ 66,48%; chưa đào tạo: 110 đồng chí, tỷ lệ 30,73%.

- Phó Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 364 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 79 đồng chí, tỷ lệ 21,7%; từ 30 đến 40 tuổi: 157 đồng chí, tỷ lệ 43,13%; trên 40 tuổi: 128 đồng chí, tỷ lệ 35,16%.

+ Về cơ cấu: Nữ 57 đồng chí, tỷ lệ 15,66%; cán bộ dân tộc thiểu số: 72 đồng chí, tỷ lệ 19,78%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 111 đồng chí, tỷ lệ 30,49%; trình độ khác: 253 đồng chí, tỷ lệ 69,51%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 227 đồng chí, tỷ lệ 62,36%; chưa đào tạo: 137 đồng chí, tỷ lệ 37,64%.

- Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 519 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 100 đồng chí, tỷ lệ 19,27%; từ 30 đến 40 tuổi: 224 đồng chí, tỷ lệ 43,16%; trên 40 tuổi: 195 đồng chí, tỷ lệ 37,57%.

+ Về cơ cấu: Nữ 77 đồng chí, tỷ lệ 14,84%; cán bộ dân tộc thiểu số: 72 đồng chí, tỷ lệ 13,87%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 175 đồng chí, tỷ lệ 33,72%; trình độ khác 344 đồng chí, tỷ lệ 66,28%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 280 đồng chí, tỷ lệ 53,95%; chưa đào tạo 239 đồng chí, tỷ lệ 46,05%.

- Chức danh trưởng, phó các phòng, ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện:

+ Về số lượng: Tổng số 2.152 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 438 đồng chí, tỷ lệ 20,35%; từ 30 đến 40 tuổi: 942 đồng chí, tỷ lệ 43,77%; trên 40 tuổi: 772 đồng chí, tỷ lệ 35,87%.

+ Về cơ cấu: Nữ 343 đồng chí, tỷ lệ 15,94%; cán bộ dân tộc thiểu số: 106 đồng chí, tỷ lệ 4,93%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 22 đồng chí, tỷ lệ 1,02%; Đại học: 1717 đồng chí, tỷ lệ 79,79%; trình độ khác 413 đồng chí, tỷ lệ 19,19%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân: 359 đồng chí, tỷ lệ 16,68%; Trung cấp: 796 đồng chí, tỷ lệ 36,99%; chưa đào tạo: 997 đồng chí, tỷ lệ

46,33%.

(2) Nhiệm kỳ 2015 - 2020

- Ban chấp hành đảng bộ xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 3.301 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 909 đồng chí, tỷ lệ 27,54%; từ 30 đến 40 tuổi: 1.301 đồng chí, tỷ lệ 39,41%; trên 40 tuổi: 1.091 đồng chí, tỷ lệ 33,05%.

+ Về cơ cấu: Nữ 847 đồng chí, tỷ lệ 25,66%; cán bộ dân tộc thiểu số: 680 đồng chí, tỷ lệ 20,6%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 đồng chí, tỷ lệ 0,24%; Đại học: 1.181 đồng chí, tỷ lệ 35,78%; trình độ khác 2.112 đồng chí, tỷ lệ 63,98%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 93 đồng chí, tỷ lệ 2,82%; Trung cấp 1.628 đồng chí, tỷ lệ 49,32%.

- Ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 1.024 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 187 đồng chí, tỷ lệ 18,26%; từ 30 đến 40 tuổi: 388 đồng chí, tỷ lệ 37,89%; trên 40 tuổi: 449 đồng chí, tỷ lệ 43,85%.

+ Về cơ cấu: Nữ 167 đồng chí, tỷ lệ 16,31%; cán bộ dân tộc thiểu số: 245 đồng chí, tỷ lệ 23,93%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 09 đồng chí, tỷ lệ 0,88%; Đại học: 422 đồng chí, tỷ lệ 41,21%; trình độ khác 593 đồng chí, tỷ lệ 57,91%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 73 đồng chí, tỷ lệ 7,13%; Trung cấp 713 đồng chí, tỷ lệ 69,63%.

- Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 434 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 42 đồng chí, tỷ lệ 9,68%; từ 30 đến 40 tuổi: 194 đồng chí, tỷ lệ 44,7%; trên 40 tuổi: 198 đồng chí, tỷ lệ 45,62%.

+ Về cơ cấu: Nữ 45 đồng chí, tỷ lệ 10,37%; cán bộ dân tộc thiểu số: 80 đồng chí, tỷ lệ 18,43%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 05 đồng chí, tỷ lệ 1,15%; Đại học 215 đồng chí, tỷ lệ 49,54%; trình độ khác 214 đồng chí, tỷ lệ 49,31%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 70 đồng chí, tỷ lệ 16,13%; Trung cấp 340 đồng chí, tỷ lệ 78,34%.

- Phó bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 625 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 108 đồng chí, tỷ lệ 17,28%; từ 30 đến 40 tuổi: 269 đồng chí, tỷ lệ 43,04%; trên 40 tuổi: 248 đồng chí, tỷ lệ 39,68%.

+ Về cơ cấu: Nữ 108 đồng chí, tỷ lệ 17,28%; cán bộ dân tộc thiểu số: 143 đồng chí, tỷ lệ 22,88%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 02 đồng chí, tỷ lệ 0,32%; Đại học 270 đồng chí, tỷ lệ 43,2%; trình độ khác 353 đồng chí, tỷ lệ 56,48%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 30 đồng chí, tỷ lệ 4,8%; Trung cấp 508 đồng chí, tỷ lệ 81,28%.

- Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 414 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 45 đồng chí, tỷ lệ 10,87%; từ 30 đến 40 tuổi: 155 đồng chí, tỷ lệ 37,44%; trên 40 tuổi: 214 đồng chí, tỷ lệ 51,69%.

+ Về cơ cấu: Nữ 52 đồng chí, tỷ lệ 12,56%; cán bộ dân tộc thiểu số: 78 đồng chí, tỷ lệ 18,84%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 05 đồng chí, tỷ lệ 1,21%; Đại học: 193 đồng chí, tỷ lệ 46,62%; trình độ khác 216 đồng chí, tỷ lệ 52,17%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 37 đồng chí, tỷ lệ 8,94%; Trung cấp 338 đồng chí, tỷ lệ 81,64%.

- Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 416 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 65 đồng chí, tỷ lệ 15,63%; từ 30 đến 40 tuổi: 201 đồng chí, tỷ lệ 48,32%; trên 40 tuổi: 150 đồng chí, tỷ lệ 36,06%.

+ Về cơ cấu: Nữ 37 đồng chí, tỷ lệ 8,89%; cán bộ dân tộc thiểu số: 71 đồng chí, tỷ lệ 17,07%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 0,24%; Đại học 230 đồng chí, tỷ lệ 55,29%; trình độ khác 185 đồng chí, tỷ lệ 44,47%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 21 đồng chí, tỷ lệ 5,05%; Trung cấp 316 đồng chí, tỷ lệ 75,96%.

- Phó Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 414 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 119 đồng chí, tỷ lệ 28,74%; từ 30 đến 40 tuổi: 201 đồng chí, tỷ lệ 48,55%; trên 40 tuổi: 94 đồng chí, tỷ lệ 22,71%.

+ Về cơ cấu: Nữ 110 đồng chí, tỷ lệ 26,57%; cán bộ dân tộc thiểu số: 92 đồng chí, tỷ lệ 22,22%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 140 đồng chí, tỷ lệ 33,82%; trình độ khác 274 đồng chí, tỷ lệ 66,18%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 09 đồng chí, tỷ lệ 2,17%; Trung cấp 301 đồng chí, tỷ lệ 72,71%.

- Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 588 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 188 đồng chí, tỷ lệ 31,97%; từ 30 đến 40 tuổi: 288 đồng chí, tỷ lệ 48,98%; trên 40 tuổi: 112 đồng chí, tỷ lệ 19,05%.

+ Về cơ cấu: Nữ 142 đồng chí, tỷ lệ 24,15%; cán bộ dân tộc thiểu số: 108

đồng chí, tỷ lệ 18,37%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đại học 248 đồng chí, tỷ lệ 42,18%; trình độ khác 340 đồng chí, tỷ lệ 57,82%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 39 đồng chí, tỷ lệ 6,63%; Trung cấp 393 đồng chí, tỷ lệ 66,84%.

- Chức danh trưởng, phó các ban, ngành, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện

+ Về số lượng: Tổng số 2154 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 354 đồng chí, tỷ lệ 16,43%; từ 30 đến 40 tuổi: 990 đồng chí, tỷ lệ 45,96%; trên 40 tuổi: 810 đồng chí, tỷ lệ 37,6%.

+ Về cơ cấu: Nữ 441 đồng chí, tỷ lệ 20,47%; cán bộ dân tộc thiểu số: 139 đồng chí, tỷ lệ 6,45%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 63 đồng chí, tỷ lệ 2,92%; Đại học 1948 đồng chí, tỷ lệ 90,44%; trình độ khác 143 đồng chí, tỷ lệ 6,64%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 480 đồng chí, tỷ lệ 22,28%; Trung cấp 799 đồng chí, tỷ lệ 37,09%.

(3) Nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ban Chấp hành đảng bộ xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 3.346 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 1.216 đồng chí, tỷ lệ 36,34%; từ 30 đến 40 tuổi: 1.359 đồng chí, tỷ lệ 40,62%; trên 40 tuổi: 771 đồng chí, tỷ lệ 23,04%.

+ Về cơ cấu: Nữ 1.016 đồng chí, tỷ lệ 30,36%; cán bộ dân tộc thiểu số: 769 đồng chí, tỷ lệ 22,98%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 49 đồng chí, tỷ lệ 1,46%; Đại học 2.323 đồng chí, tỷ lệ 69,43%; trình độ khác 974 đồng chí, tỷ lệ 29,11%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 169 đồng chí, tỷ lệ 5,05%; Trung cấp 2.230 đồng chí, tỷ lệ 66,65%.

b. Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 946 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 177 đồng chí, tỷ lệ 18,71%; từ 30 đến 40 tuổi: 436 đồng chí, tỷ lệ 46,09%; trên 40 tuổi: 333 đồng chí, tỷ lệ 35,2%.

+ Về cơ cấu: Nữ 214 đồng chí, tỷ lệ 22,62%; cán bộ dân tộc thiểu số: 245 đồng chí, tỷ lệ 25,9%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 34 đồng chí, tỷ lệ 3,59%; Đại học 803 đồng chí, tỷ lệ 84,88%; trình độ khác 109 đồng chí, tỷ lệ 11,52%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 91 đồng chí, tỷ lệ 9,62%; Trung cấp 779 đồng chí, tỷ lệ 82,35%.

- Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 438 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 38 đồng chí, tỷ lệ 8,68%; từ 30 đến 40 tuổi: 216 đồng chí, tỷ lệ 49,32%; trên 40 tuổi: 184 đồng chí, tỷ lệ 42,01%.

+ Về cơ cấu: Nữ 65 đồng chí, tỷ lệ 14,84%; cán bộ dân tộc thiểu số: 90 đồng chí, tỷ lệ 20,55%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 26 đồng chí, tỷ lệ 5,94%; Đại học 385 đồng chí, tỷ lệ 87,9%; trình độ khác 27 đồng chí, tỷ lệ 6,16%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 105 đồng chí, tỷ lệ 23,97%; Trung cấp 323 đồng chí, tỷ lệ 73,74%.

- Phó bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 668 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 117 đồng chí, tỷ lệ 17,51%; từ 30 đến 40 tuổi: 343 đồng chí, tỷ lệ 51,35%; trên 40 tuổi: 208 đồng chí, tỷ lệ 31,14%.

+ Về cơ cấu: Nữ 141 đồng chí, tỷ lệ 21,11%; cán bộ dân tộc thiểu số: 157 đồng chí, tỷ lệ 23,5%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 15 đồng chí, tỷ lệ 2,25%; Đại học 582 đồng chí, tỷ lệ 87,13%; trình độ khác 71 đồng chí, tỷ lệ 10,63%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 48 đồng chí, tỷ lệ 7,19%; Trung cấp 581 đồng chí, tỷ lệ 86,98%.

- Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 398 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 57 đồng chí, tỷ lệ 14,32%; từ 30 đến 40 tuổi: 187 đồng chí, tỷ lệ 46,98%; trên 40 tuổi: 154 đồng chí, tỷ lệ 38,69%.

+ Về cơ cấu: Nữ 73 đồng chí, tỷ lệ 18,34%; cán bộ dân tộc thiểu số: 90 đồng chí, tỷ lệ 22,61%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 08 đồng chí, tỷ lệ 2,01%; Đại học 357 đồng chí, tỷ lệ 89,7%; trình độ khác 33 đồng chí, tỷ lệ 8,29%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 57 đồng chí, tỷ lệ 14,32%; Trung cấp: 328 đồng chí, tỷ lệ 82,41%.

- Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 406 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 78 đồng chí, tỷ lệ 19,21%; từ 30 đến 40 tuổi: 191 đồng chí, tỷ lệ 47,04%; trên 40 tuổi: 137 đồng chí, tỷ lệ 33,74%.

+ Về cơ cấu: Nữ 58 đồng chí, tỷ lệ 14,29%; cán bộ dân tộc thiểu số: 75 đồng chí, tỷ lệ 18,47%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 12 đồng chí, tỷ lệ 2,96%; Đại học: 373 đồng chí, tỷ lệ 91,87%; trình độ khác 21 đồng chí, tỷ lệ 5,17%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 39 đồng chí, tỷ lệ 9,61%; Trung cấp 349 đồng chí, tỷ lệ 85,96%.

- Phó Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 410 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 141 đồng chí, tỷ lệ 34,39%; từ 30 đến 40 tuổi: 191 đồng chí, tỷ lệ 46,59%; trên 40 tuổi: 78 đồng chí, tỷ lệ 19,02%.

+ Về cơ cấu: Nữ 133 đồng chí, tỷ lệ 32,44%; cán bộ dân tộc thiểu số: 115 đồng chí, tỷ lệ 28,05%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đồng chí, tỷ lệ 0,24%; Đại học 352 đồng chí, tỷ lệ 85,85%; trình độ khác 57 đồng chí, tỷ lệ 13,9%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 06 đồng chí, tỷ lệ 1,46%; Trung cấp 363 đồng chí, tỷ lệ 88,54%.

- Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

+ Về số lượng: Tổng số 563 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 185 đồng chí, tỷ lệ 32,86%; từ 30 đến 40 tuổi: 300 đồng chí, tỷ lệ 53,29%; trên 40 tuổi: 78 đồng chí, tỷ lệ 13,85%.

+ Về cơ cấu: Nữ 146 đồng chí, tỷ lệ 25,93%; cán bộ dân tộc thiểu số: 117 đồng chí, tỷ lệ 20,78%.

+ Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 07 đồng chí, tỷ lệ 1,24%; Đại học: 509 đồng chí, tỷ lệ 90,41%; trình độ khác 47 đồng chí, tỷ lệ 8,35%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 17 đồng chí, tỷ lệ 3,02%; Trung cấp: 484 đồng chí, tỷ lệ 85,97%.

- Chức danh trưởng, phó các phòng, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp huyện

+ Về số lượng: Tổng số 2040 đồng chí.

+ Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 363 đồng chí, tỷ lệ 17,79%; từ 30 đến 40 tuổi: 1.106 đồng chí, tỷ lệ 54,22%; trên 40 tuổi: 571 đồng chí, tỷ lệ 27,99%.

+ Về cơ cấu: Nữ 563 đồng chí, tỷ lệ 27,6%; cán bộ dân tộc thiểu số: 161 đồng chí, tỷ lệ 7,89%.

+ Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,05%; thạc sỹ: 284 đồng chí, tỷ lệ 13,92%; Đại học: 1.634 đồng chí, tỷ lệ 80,1%; trình độ khác 121 đồng chí, tỷ lệ 5,93%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 723 đồng chí, tỷ lệ 35,44%; Trung cấp 1.024 đồng chí, tỷ lệ 50,2%.

(Chi tiết kết quả công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh Lâm Đồng từ nhiệm kỳ 2010 đến nay theo Biểu mẫu 2A, 2B, 2C đính kèm).

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

Trong những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng luôn nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ; đã chỉ đạo triển khai thực hiện từ tỉnh đến cơ sở kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ. Trên cơ sở các văn

bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh¹ vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng, các cấp ủy thực hiện công tác quy hoạch cán bộ; các năm tiếp theo thực hiện rà soát, bổ sung những cán bộ có triển vọng phát triển vào quy hoạch và đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ có kết quả tín nhiệm thấp, những đồng chí không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Khi xem xét, bổ sung quy hoạch cán bộ, cấp ủy các cấp căn cứ kết quả đánh giá cán bộ hàng năm trên các mặt: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực thực tiễn, uy tín, sức khỏe và chiều hướng, triển vọng phát triển của cán bộ; đồng thời lấy kết quả phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với thành viên lãnh đạo cấp ủy và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo Quy định số 20-QĐ/TU, ngày 25/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, đây cũng là kênh thông tin đánh giá cán bộ một cách toàn diện, làm cơ sở trước khi đưa vào quy hoạch hoặc bố trí sử dụng cán bộ.

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 30/11/2004 và Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW, ngày 05/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương, Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 21/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; qua các số liệu phân tích từ kết quả công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh từ nhiệm kỳ 2010 - 2015 đến nay, cho thấy:

- Về số lượng: Quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh cơ bản đảm bảo số lượng theo quy định.

- Về chất lượng: Quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước. Đa số cán bộ đưa vào quy hoạch có trình độ chuyên môn đại học, sau đại học và lý luận chính trị cao cấp, cử nhân.

- Về cơ cấu: Đã thực hiện nghiêm cơ cấu 3 độ tuổi trong quy hoạch cấp ủy và lãnh đạo, quản lý các cấp theo Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị, cơ bản đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, dân tộc thiểu số; tỷ lệ cán bộ trẻ dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh; dưới 35 tuổi đối với cấp huyện, dưới 30 tuổi đối với cấp xã, nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước.

- Quy trình thực hiện quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ hàng năm được cấp ủy đảng triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy trình, đúng thẩm quyền.

- Cán bộ đưa vào quy hoạch của các cơ quan, đơn vị đều được cấp ủy kết luận đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị theo quy định.

- Thực hiện phương châm “động” và “mở” trong quy hoạch có chuyển biến tích cực hơn so với nhiệm kỳ trước; bên cạnh đó cấp ủy đảng các cấp đã xây dựng,

¹ Các tiêu chí đánh giá cán bộ để thực hiện quy hoạch được thực hiện theo Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị; Quyết định số 286 -QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế đánh giá cán bộ và Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quy định số 213-QĐ/TU, ngày 04/5/2011; Quy định số 18-QĐ/TU, ngày 09/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

triển khai thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, bồi dưỡng nghiệp vụ... đối với cán bộ trong diện quy hoạch.

Trên cơ sở công tác quy hoạch, giúp cấp ủy đảng các cấp chuẩn bị tốt công tác luân chuyển, điều động, tạo nguồn cán bộ các cấp, đặc biệt là công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và công tác nhân sự đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp theo từng nhiệm kỳ.

3.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

a. Hạn chế, bất cập

- Một số cán bộ được quy hoạch có tinh thần, trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, chưa thể hiện được vai trò gương mẫu của người cán bộ, đảng viên; sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm, bị xử lý kỷ luật. Một số đồng chí trong diện quy hoạch, được giới thiệu bầu tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhưng không trúng cử theo Đề án nhân sự được phê duyệt.

- Việc nghiên cứu các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ ở một số cơ quan, địa phương, đơn vị chưa tốt, nên còn lúng túng trong quá trình triển khai, thực hiện, cá biệt có một số đơn vị phải làm lại quy trình quy hoạch.

- Tỷ lệ cán bộ nữ, trẻ, dân tộc thiểu số quy hoạch một số chức danh lãnh đạo, quản lý ở một số ít cơ quan, địa phương, đơn vị chưa đảm bảo. Chưa thực hiện tốt phương châm “*động*” và “*mở*” trong quy hoạch cán bộ, nhất là quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ yếu ưu tiên cán bộ đang công tác tại chức.

- Việc chủ động và sớm phát hiện nguồn cán bộ trẻ có đức, có tài, có triển vọng về khả năng lãnh đạo, quản lý đưa vào quy hoạch để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý, đáp ứng nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của từng địa phương, cơ quan, đơn vị còn hạn chế.

- Quy hoạch cán bộ vẫn chưa thật sự xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị lâu dài và từ thực tế đội ngũ cán bộ; vẫn còn tình trạng vì yêu cầu công tác cán bộ trước mắt mà đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch để thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- Một số cơ quan, địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến việc đào tạo cán bộ quản lý trong quy hoạch, nhất là đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh lãnh đạo, quản lý; một số nơi xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ sau quy hoạch chưa thật sự sát với thực tế.

- Một số cấp ủy chưa thật sự chủ động trong công tác xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ giới thiệu dự nguồn quy hoạch.

b. Nguyên nhân hạn chế, bất cập

- *Nguyên nhân khách quan:* Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành còn có những nội dung chưa rõ, không còn phù hợp trong thực tế, chậm được sửa đổi. Một số văn bản, hướng dẫn công tác quản lý cán bộ, công chức, còn có sự chồng chéo giữa cơ quan Đảng và cơ quan hành chính nhà nước, khó thực hiện.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số chủ trương của Trung ương, của tỉnh ở một số nơi về công tác quy hoạch cán bộ chưa thật sự quyết liệt; công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

+ Việc nghiên cứu, quán triệt các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ nói chung, công tác quy hoạch cán bộ ở một số cấp ủy đảng (cấp cơ sở) chưa tốt, nên còn lúng túng khi triển khai, thực hiện.

+ Công tác đánh giá cán bộ là khâu quan trọng, là cơ sở để quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ. Tuy nhiên một số cấp ủy chưa thực sự lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, làm thước đo về phẩm chất và năng lực cán bộ; cách đánh giá còn chung chung, còn mang tính chủ quan, hình thức, máy móc, thiếu kiên quyết.

3.3. Bài học kinh nghiệm

(1) Các cấp ủy thường xuyên quán triệt công tác cán bộ là công tác của Đảng. Luôn xác định quy hoạch cán bộ là khâu then chốt trong công tác cán bộ, phải được tổ chức đảng lãnh đạo thực hiện bằng nghị quyết của cấp ủy, được sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời cho từng giai đoạn, từng nhiệm kỳ làm cơ sở thực hiện tốt hơn trong nhiệm kỳ tiếp theo.

(2) Công tác quy hoạch cán bộ phải mang tính chiến lược, gắn liền với công tác đào tạo, luân chuyển, đánh giá và sử dụng cán bộ, thành một quy trình liên tục. Công tác quy hoạch phải tiến hành hằng năm, quy hoạch từ cấp dưới lên, thực hiện tốt phương châm “động” và “mở” trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ, đảm bảo quy trình, dân chủ, công khai, bổ sung những nhân tố mới, nhất là cán bộ nữ, trẻ có triển vọng; đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi quy hoạch và xử lý nghiêm những cán bộ sa sút phẩm chất đạo đức, lối sống, thoái hóa, biến chất, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành nhiệm vụ ở mức thấp.

(3) Quy hoạch phải gắn với đào tạo cán bộ và phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị, xem đây là căn cứ để xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng chính trị; đồng thời gắn liền với sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy. Đặc biệt xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở theo hướng ngày càng trẻ hoá trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ, kết hợp các độ tuổi, đảm bảo kế thừa và phát triển. Việc thực hiện quy hoạch cán bộ phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ đi đôi với phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu.

(4) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch cán bộ và kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; bổ sung, sửa đổi những quy định và tiêu chuẩn chức danh cán bộ cho phù hợp yêu cầu phát triển của từng thời kỳ.

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Một số nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 30/11/2004 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã không còn phù hợp. Do đó cần sớm sửa đổi, ban hành nghị quyết, quy định mới về công tác quy hoạch cán bộ phù hợp với tình hình hiện nay, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh cụ thể, phù hợp với các đối tượng khác nhau như: các lĩnh vực chuyên ngành, lĩnh vực đặc thù, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Sớm ban hành hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 để triển khai thực hiện thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ III - BTC Trung ương (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ KHÓA XI ĐẾN NAY

(Kèm theo Báo cáo số 97 -BC/TU ngày 06/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Biểu 2B

| TIÊU CHÍ | Quy hoạch Ban Chấp hành | | | Quy hoạch Ban Thường vụ | | | Quy hoạch Bí thư | | | Quy hoạch Phó Bí thư | | | Quy hoạch Chủ tịch Hội đồng nhân dân | | | Quy hoạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | | | Quy hoạch chức danh Trưởng Sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh | | | Quy hoạch chức danh Phó Sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh | | |
|-------------------------------|-------------------------|-----------|-----------|-------------------------|-----------|-----------|------------------|-----------|-----------|----------------------|-----------|-----------|--------------------------------------|-----------|-----------|------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|-----------|--|-----------|-----------|--|-----------|-----------|---|-----------|-----------|
| | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 |
| Tổng số | 1.066 | 1.054 | 1.003 | 324 | 328 | 320 | 40 | 44 | 40 | 74 | 84 | 71 | 39 | 34 | 35 | 36 | 37 | 32 | 51 | 37 | 47 | 97 | 84 | 58 | 156 | 160 | 133 | 237 | 278 | 258 |
| * Trong đó:- Nữ | 177 | 227 | 266 | 35 | 44 | 62 | 0 | 2 | 4 | 8 | 11 | 11 | 0 | 3 | 6 | 3 | 0 | 1 | 10 | 9 | 12 | 10 | 12 | 8 | 14 | 19 | 12 | 37 | 50 | 44 |
| - Dân tộc thiểu số | 84 | 95 | 93 | 20 | 22 | 25 | 2 | 2 | 4 | 6 | 9 | 7 | 2 | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 | 3 | 4 | 7 | 3 | 3 | 5 | 7 | 10 | 12 | 28 | 29 | 31 |
| * Phân tích tổng số theo: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tuổi đời | 1.066 | 1.054 | 1.003 | 324 | 328 | 320 | 40 | 44 | 40 | 74 | 84 | 71 | 39 | 34 | 35 | 36 | 37 | 32 | 51 | 37 | 47 | 97 | 84 | 58 | 156 | 160 | 133 | 237 | 278 | 258 |
| - Dưới 35 | 78 | 75 | 47 | 9 | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 17 | 18 | 17 | 32 | 59 | 45 |
| - Từ 35 đến 45 tuổi | 343 | 353 | 328 | 72 | 85 | 82 | 1 | 6 | 5 | 6 | 12 | 20 | 1 | 2 | 7 | 1 | 4 | 5 | 10 | 5 | 8 | 26 | 16 | 9 | 70 | 85 | 84 | 125 | 130 | 158 |
| - Trên 45 tuổi | 645 | 626 | 628 | 243 | 240 | 237 | 39 | 38 | 35 | 68 | 72 | 49 | 38 | 32 | 28 | 35 | 33 | 27 | 40 | 32 | 39 | 71 | 67 | 49 | 69 | 57 | 32 | 80 | 89 | 55 |
| 2. Trình độ chuyên môn | 1.066 | 1.054 | 1.003 | 324 | 328 | 320 | 40 | 44 | 40 | 74 | 84 | 71 | 39 | 34 | 35 | 36 | 37 | 32 | 51 | 37 | 47 | 97 | 84 | 58 | 156 | 160 | 133 | 237 | 278 | 258 |
| - Đại học | 829 | 912 | 746 | 285 | 285 | 204 | 35 | 36 | 15 | 66 | 72 | 32 | 32 | 31 | 19 | 36 | 30 | 14 | 45 | 34 | 35 | 95 | 69 | 30 | 112 | 100 | 68 | 175 | 188 | 135 |
| - Thạc sĩ | 48 | 60 | 231 | 11 | 30 | 109 | 3 | 6 | 21 | 7 | 8 | 32 | 4 | 3 | 16 | 0 | 7 | 18 | 0 | 2 | 12 | 0 | 12 | 26 | 24 | 36 | 57 | 48 | 77 | 117 |
| - Tiến sĩ | 2 | 15 | 23 | 0 | 5 | 7 | 0 | 1 | 4 | 0 | 4 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 4 | 7 | 5 | 1 | 9 | 6 |
| - Trình độ khác | 187 | 67 | 3 | 28 | 8 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 | 0 | 4 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | 1 | 0 | 2 | 3 | 1 | 16 | 17 | 3 | 13 | 4 | 0 |
| 4. Trình độ lý luận chính trị | 829 | 817 | 930 | 314 | 306 | 314 | 40 | 42 | 40 | 74 | 80 | 70 | 39 | 34 | 35 | 36 | 37 | 32 | 50 | 36 | 47 | 94 | 84 | 55 | 152 | 160 | 115 | 237 | 278 | 234 |
| - Trung cấp | 319 | 329 | 351 | 64 | 44 | 23 | 2 | 2 | 0 | 6 | 7 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 13 | 3 | 5 | 14 | 7 | 3 | 23 | 13 | 7 | 37 | 38 | 31 |
| - Cao cấp, cử nhân | 510 | 488 | 579 | 250 | 262 | 291 | 38 | 40 | 40 | 68 | 73 | 69 | 39 | 34 | 35 | 35 | 36 | 32 | 37 | 33 | 42 | 80 | 77 | 52 | 129 | 147 | 108 | 200 | 240 | 203 |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ KHÓA XI ĐẾN NAY
(Kèm theo Báo cáo số 97 -BC/TU ngày 06 /7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Biểu 2A

| TIÊU CHÍ | Quy hoạch Ban Chấp hành | | | Quy hoạch Ban Thường vụ | | | Quy hoạch Bí thư | | | Quy hoạch Phó Bí thư | | | Quy hoạch Chủ tịch Hội đồng nhân dân | | | Quy hoạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | | | Quy hoạch Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội | | | Quy hoạch Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội | | |
|---|-------------------------|-----------|-----------|-------------------------|-----------|-----------|------------------|-----------|-----------|----------------------|-----------|-----------|--------------------------------------|-----------|-----------|------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|-----------|--|-----------|-----------|---|-----------|-----------|---|-----------|-----------|
| | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 |
| Tổng số | 92 | 90 | 64 | 26 | 24 | 18 | 6 | 3 | 3 | 5 | 8 | 5 | 5 | 3 | 2 | 3 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 | 9 | 8 | 5 | 2 | 4 | 2 | 3 | 4 | 3 |
| * Trong đó:- Nữ | 11 | 27 | 12 | 2 | 5 | 3 | | | | | 2 | | | | | | | | 1 | 2 | 1 | | 1 | 1 | | | | | | 1 |
| - Dân tộc thiểu số | 5 | 7 | 3 | | 4 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Phân tích tổng số theo: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tuổi đời | 92 | 90 | 64 | 26 | 24 | 18 | 6 | 3 | 3 | 5 | 8 | 5 | 5 | 3 | 2 | 3 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 | 9 | 8 | 5 | 2 | 4 | 2 | 3 | 4 | 3 |
| - Dưới 40 | 12 | 18 | 7 | | 2 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | 1 | | | | | | | | | | 1 |
| - Từ 40 đến 50 tuổi | 42 | 48 | 37 | 8 | 9 | 6 | | 1 | 1 | 2 | 6 | 1 | | | | | 2 | | 1 | 3 | 1 | 2 | 4 | 1 | | 2 | | | 1 | |
| - Trên 50 tuổi | 38 | 24 | 20 | 18 | 13 | 11 | 6 | 2 | 2 | 3 | 1 | 4 | 5 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 2 | 7 | 4 | 4 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| 2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | 92 | 90 | 64 | 26 | 24 | 18 | 6 | 3 | 3 | 5 | 8 | 5 | 5 | 3 | 2 | 3 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 | 9 | 8 | 5 | 2 | 4 | 2 | 3 | 4 | 3 |
| - Đại học | 74 | 64 | 36 | 24 | 19 | 5 | 5 | | 1 | 5 | 2 | 2 | 4 | | 1 | 3 | | | 4 | 4 | | 7 | 5 | | 2 | 2 | | 3 | 3 | |
| - Thạc sĩ | 15 | 24 | 28 | 1 | 4 | 12 | | 3 | 2 | | 5 | 3 | | 3 | 1 | | 3 | 2 | | 1 | 3 | 2 | 3 | 5 | | 2 | 2 | | 1 | 3 |
| - Tiến sĩ | 2 | 2 | | 1 | 1 | 1 | 1 | | | | 1 | | 1 | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | |
| - Trình độ khác | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Trình độ lý luận chính trị | 88 | 87 | 64 | 26 | 24 | 18 | 6 | 3 | 3 | 5 | 8 | 5 | 5 | 3 | 2 | 3 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 | 9 | 8 | 5 | 2 | 4 | 2 | 3 | 4 | 3 |
| - Trung cấp | 3 | 4 | | 7 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - Cao cấp, cử nhân | 85 | 83 | 64 | 19 | 24 | 18 | 6 | 3 | 3 | 5 | 8 | 5 | 5 | 3 | 2 | 3 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 | 9 | 8 | 5 | 2 | 4 | 2 | 3 | 4 | 3 |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ
CẤP ỦY CẤP HUYỆN QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ KHÓA XI ĐẾN NAY
(Kèm theo Báo cáo số 97 -BC/TU ngày 06 /7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Biểu 2C

| TIÊU CHÍ | Quy hoạch Ban Chấp hành đảng bộ xã và tương đương | | | Quy hoạch Ban Thường vụ Đảng ủy xã và tương đương | | | Quy hoạch Bí thư đảng ủy xã và tương đương | | | Quy hoạch Phó Bí thư đảng ủy xã và tương đương | | | Quy hoạch Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và tương đương | | | Quy hoạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và tương đương | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và tương đương | | | Quy hoạch Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và tương đương | | | Quy hoạch chức danh trưởng, phó phòng ban, ngành, MTQ, đoàn thể cấp huyện | | |
|---|---|--------------|--------------|---|--------------|------------|--|------------|------------|--|------------|------------|--|------------|------------|--|------------|------------|--|------------|------------|--|------------|------------|---|--------------|--------------|
| | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2011-2016 | 2016-2021 | 2021-2026 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 |
| Tổng số | 2.640 | 3.301 | 3.346 | 742 | 1.024 | 946 | 369 | 434 | 438 | 562 | 625 | 668 | 349 | 414 | 398 | 358 | 416 | 406 | 364 | 414 | 410 | 519 | 588 | 563 | 2.152 | 2.154 | 2.040 |
| * Trong đó:- Nữ | 604 | 847 | 1.016 | 110 | 167 | 214 | 19 | 45 | 65 | 77 | 108 | 141 | 21 | 52 | 73 | 34 | 37 | 58 | 57 | 110 | 133 | 77 | 142 | 146 | 343 | 441 | 563 |
| - Dân tộc thiểu số | 433 | 680 | 769 | 147 | 245 | 245 | 59 | 80 | 90 | 127 | 143 | 157 | 75 | 78 | 90 | 52 | 71 | 75 | 72 | 92 | 115 | 72 | 108 | 117 | 106 | 139 | 161 |
| * Phân tích tổng số theo: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tuổi đời | 2.640 | 3.301 | 3.346 | 742 | 1.024 | 946 | 369 | 434 | 438 | 562 | 625 | 668 | 349 | 414 | 398 | 358 | 416 | 406 | 364 | 414 | 410 | 519 | 588 | 563 | 2.152 | 2.154 | 2.040 |
| - Dưới 30 | 609 | 909 | 1.216 | 128 | 187 | 177 | 17 | 42 | 38 | 81 | 108 | 117 | 20 | 45 | 57 | 62 | 65 | 78 | 79 | 119 | 141 | 100 | 188 | 185 | 438 | 354 | 363 |
| - Từ 30 đến 40 tuổi | 880 | 1.301 | 1.359 | 296 | 388 | 436 | 134 | 194 | 216 | 253 | 269 | 343 | 136 | 155 | 187 | 144 | 201 | 191 | 157 | 201 | 191 | 224 | 288 | 300 | 942 | 990 | 1.106 |
| - Trên 40 tuổi | 1.151 | 1.091 | 771 | 318 | 449 | 333 | 218 | 198 | 184 | 228 | 248 | 208 | 193 | 214 | 154 | 152 | 150 | 137 | 128 | 94 | 78 | 195 | 112 | 78 | 772 | 810 | 571 |
| 2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | 2.640 | 3.301 | 3.346 | 742 | 1.024 | 946 | 369 | 434 | 438 | 562 | 625 | 668 | 349 | 414 | 398 | 358 | 416 | 406 | 364 | 414 | 410 | 519 | 588 | 563 | 2.152 | 2.154 | 2.040 |
| - Đại học | 900 | 1.181 | 2.323 | 293 | 422 | 803 | 126 | 215 | 385 | 201 | 270 | 582 | 97 | 193 | 357 | 138 | 230 | 373 | 111 | 140 | 352 | 175 | 248 | 509 | 1.717 | 1.948 | 1.634 |
| - Thạc sĩ | 3 | 8 | 49 | 3 | 9 | 34 | 1 | 5 | 26 | 0 | 2 | 15 | 1 | 5 | 8 | 1 | 1 | 12 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 7 | 22 | 63 | 284 |
| - Tiến sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| - Trình độ khác | 1.737 | 2.112 | 974 | 446 | 593 | 109 | 242 | 214 | 27 | 361 | 353 | 71 | 251 | 216 | 33 | 219 | 185 | 21 | 253 | 274 | 57 | 344 | 340 | 47 | 413 | 143 | 121 |
| 4. Trình độ lý luận chính trị | 1.299 | 1.721 | 2.399 | 489 | 786 | 870 | 260 | 410 | 428 | 403 | 538 | 629 | 247 | 375 | 385 | 248 | 337 | 388 | 227 | 310 | 369 | 280 | 432 | 501 | 1.155 | 1.279 | 1.747 |
| - Trung cấp | 1.262 | 1.628 | 2.230 | 456 | 713 | 779 | 241 | 340 | 323 | 390 | 508 | 581 | 234 | 338 | 328 | 238 | 316 | 349 | 227 | 301 | 363 | 280 | 393 | 484 | 796 | 799 | 1.024 |
| - Cao cấp, cử nhân | 37 | 93 | 169 | 33 | 73 | 91 | 19 | 70 | 105 | 13 | 30 | 48 | 13 | 37 | 57 | 10 | 21 | 39 | 0 | 9 | 6 | 0 | 39 | 17 | 359 | 480 | 723 |

